

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 6 - 2022

V/v: Ly hôn giữa chị N và anh G.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tiến Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2022/TLST - HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Thắng Lợi, xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Ninh Văn G - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Đội 3, thôn An Phú, xã Yên Lộc, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị N và anh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị chung sống với anh Ninh Văn G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Lộc vào ngày 09/7/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 01/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không có hạnh phúc. Chị và anh G đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh G, nên đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 02 con chung là cháu Ninh Minh T, sinh ngày

03/5/2011 và cháu Ninh Thu H, sinh ngày 06/01/2014. Sau ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu H, để anh G nuôi cháu T. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ và các vấn đề có liên quan trong hôn nhân: Chị và anh G không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, báo gọi nhiều lần nhưng anh Ninh Văn G không đến Tòa án làm việc. Tòa án về địa phương xác minh, thu thập chứng cứ được biết:

Chị Nguyễn Thị N và anh Ninh Văn G chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Lộc huyện Ý Yên tỉnh Nam Định vào năm 2010. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do kinh tế. Chị N và anh G đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Về con chung: Chị N và anh G có 02 con chung là cháu Ninh Minh T, sinh ngày 03/5/2011 và cháu Ninh Thu H, sinh ngày 06/01/2014. Hiện cháu T đang sống cùng anh G, cháu H đang sống cùng chị N. Về tài sản chung, nợ và các vấn đề có liên quan trong hôn nhân: Chị N và anh G có hay không, địa phương không biết. Về vụ án hôn nhân của chị N và anh G địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do anh G vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Ninh Văn G. Về con chung: Giao cháu Ninh Thu H, sinh ngày 06/01/2014 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Ninh Minh T, sinh ngày 03/5/2011 cho anh Ninh Văn G trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét. Về án phí sơ thẩm ly hôn chị Nguyễn Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị N thì Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt với những lý do chính đáng. Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập đến Tòa án để cung cấp các tài liệu chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh G vắng mặt. Để mở lại phiên tòa này, Tòa án đã tiếp tục thực hiện tổng đạt, thông báo quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần hai nhưng anh G vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị N và anh Ninh Văn Giới kết hôn vào ngày 09/7/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Lộc huyện Ý Yên tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ năm 2017 đến nay. Chị N xác định không thể đoàn tụ được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh G đã biết được yêu cầu ly hôn của chị N nhưng không đến Tòa án để làm việc, anh cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Nhận và anh G có 02 con chung là cháu Ninh Minh T, sinh ngày 03/5/2011 và cháu Ninh Thu H, sinh ngày 06/01/2014. Hiện cháu H đang sống cùng chị N và có đơn xin được ở với mẹ. Cháu T đang sống cùng anh G và có đơn xin được ở với bố. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Ninh Thu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ninh Minh T cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N và anh G có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Nhận không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Ninh Văn G.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ninh Thu H, sinh ngày 06/01/2014; giao anh Ninh Văn G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ninh Minh T, sinh ngày 03/5/2011. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở, quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003593, ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Ninh Văn G vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã Yên Lộc;
- Lưu: HS, VP.

(đã ký)

Vũ Tiến Mãn

